**Phân tích Đây thôn Vĩ Dạ - Mẫu 2**

Khi được gọi tên cho Phong trào thơ mới, Đỗ Lai Thúy đã gọi đó là một "Cây nấm lạ trên gia hệ của văn mạch dân tộc". Cái "lạ" của thơ mới, có người biết, có người chưa biết, nhưng cái "lạ" mà người thi sĩ Hàn Mặc Tử mang theo khi bước vào làng thơ, thì hẳn ai cũng rõ.

Những vần thơ điên loạn với ngập tràn ý tưởng của hồn, trăng, và máu đã không thôi ám ảnh những ai yêu thơ Hàn, đọc thơ Hàn. Nhưng chẳng ai có thể tưởng đến giữa một rừng thơ ma quái và kì dị ấy, lại mọc lên một bông hoa trong sáng tinh khôi, còn vương bao hương sắc ở đời. Bông hoa ấy Hàn đặt tên "Đây thôn Vĩ Dạ", trong nó chứa chở bao cảm xúc và hoài nhớ về một miền quê từng gắn bó biết bao...

Thi phẩm chỉ vỏn vẹn ba khổ, nhưng là sự kết đọng của bao nhiêu nỗi nhớ, bao nhiêu khát khao, có cả bao nhiêu hoài nghi và tuyệt vọng. Bài thơ gắn với chuyện tình giữa thi sĩ và người con gái Huế tên Hoàng Cúc. Giữa những ngày đau đớn nhất cuộc đời, chàng lại nhận được bức ảnh sông nước xứ Huế đêm trăng, nhận thêm mấy dòng thư tín từ người con gái chàng từng thầm thương. Bao cảm xúc ùa về, cuộc hành hương trong tâm tưởng cũng từ đó, và những vần thơ hay nhất được gợi hứng từ xứ Huế mộng mơ đã bật trào trong nỗi nhớ...

Thi phẩm bắt đầu bằng một câu hỏi mang đầy ý vị của Huế mộng và Huế thơ. Không phải là hàng loạt câu hỏi tự vấn đầy quằn quại và đau đớn như ta từng gặp:

*Tôi vẫn ở đây hay ở đâu*

*Ai đem bỏ tôi xuống trời sâu*

*Sao bông phượng nở trong màu huyết*

*Nhỏ xuống lòng tôi những giọt châu?*

Câu hỏi cất lên ở đây vừa như một lời mời, một lời hỏi, lại như một lời trách móc, lời thở than: "Sao anh không về chơi thôn Vĩ?". Là người con gái Huế hỏi chăng? Hay là Hàn tự phân thân ra hỏi mình? Dù là gì thì cái điều cốt nhất ta thấy được ở đây cũng chỉ là một niềm tha thiết, một nỗi xúc động của người thi sĩ khi được trở về với mảnh đất nhiều kỉ niệm, dù chỉ là trong tâm tưởng.

Câu thơ chơi vơi trong sáu thanh bằng và vút lên ở thanh cuối đủ gieo vào lòng người đọc những cảm xúc khó mờ. Là "không về" chứ không phải "chưa về", là "về chơi" chứ không phải "về thăm". Nếu đọc cho kĩ, ngẫm cho sâu, ta sẽ thấy một câu thơ mà hàm ẩn bao ý niệm.

"Chưa về" nghĩa rằng sẽ còn về được nữa, "về thăm" nghe thật xa lạ biết bao. Đứng ở tâm thế của một người con từng rất gắn bó với xứ Huế, Hàn đã dùng chính tâm thức của mình để viết những câu thơ tiếp theo. Cảnh vườn thôn Vĩ hiện ra, ngời ngời sắc xanh, long lanh ánh sáng:

*Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên*

*Vườn ai mướt quá xanh như ngọc*

*Lá trúc che ngang mặt chữ điền*

Ấn tượng sâu nhất vương lại từ câu thơ chính là không gian ngập tràn sắc nắng. Không phải "nắng ửng" trong làn khói mơ tan, không phải "nắng chang chang" dọc theo bờ sông trắng, nắng ở đây, là thứ "nắng mới", không huyền hồ ảo diệu, không đậm màu đậm hương, nó tinh khôi và trong trẻo đến lạ.

Nắng đổ xuống hàng cau, cau hướng lên hứng nắng nhẹ nhàng, một khu vườn mướt xanh được gội sạch bởi sương đêm, sáng sớm nay được đắm mình trong nắng mới. Cái "mướt" mà Hàn gọi dậy ở khu vườn, cái "ngọc" mà Hàn ví với màu xanh, chúng gợi ra bao nhiêu là sắc điệu. Vừa gợi màu mà vừa gợi ánh, vừa óng chuốt lại thật tinh khôi. Người ta ngỡ ngàng về một cảnh vườn thôn từng quen nay trong trẻo đến lạ.

Nhớ về thôn Vĩ còn là nhớ về những nét dáng thân thương của con người nơi đây. Không tả mà chỉ gợi, bằng bút pháp cách điệu hóa, thi sĩ đủ cho ta cảm nhận về con người Huế chân thật, dịu dàng, về con gái Huế đằm thắm, nữ tính, thấp thoáng sau một mảnh trúc che ngang là gương mặt chữ điền rất Huế. Ta từng gặp hình dáng ấy trong câu thơ của Bích Khê:

*Vĩ Dạ thôn, Vĩ Dạ thôn*

*Biếc che cần trúc không buồn mà say.*

Những nét vẽ thanh tao, những cảm nhận tinh tế, chúng gọi dậy một hồn thơ thánh thiện, nặng tình nặng nỗi với một mảnh đất thân thương. Tìm đâu xa tình yêu quê hương xứ sở, đôi khi niềm thương bắt đầu từ những ấn tượng ngọt ngào quá đỗi bình thường như thế. Hóa ra, không chỉ Hoàng Phủ, không chỉ Trịnh Công Sơn mới viết hay về Huế. Hàn cũng góp cho Huế mấy vần thơ thật chân tình đượm nồng những yêu thương...

Nhưng liệu có phải sẽ thật thiếu sót khi nhắc về Huế mà bỏ quên cảnh sông nước đêm trăng vốn đã thành mảnh hồn riêng nơi đây? Bắt trọn được cái hồn riêng ấy, thi sĩ đã kéo cái nhìn của người đọc sang một miền không gian khác, chơi vơi giữa gió mây, lặng mình theo dòng nước:

*Gió theo lối gió mây đường mây*

*Dòng nước buồn thiu hoa bắp lay*

Một bức tranh gợi buồn, gợi sầu. Gió nhẹ thổi, mây nhẹ trôi, hoa bắp nhẹ lay, dòng Hương giang trầm mặc. Cái dáng Huế qua mấy mươi thế kỉ cơ hồ cũng chỉ có thế. Không khí trầm tịch của đất cố đô được gợi lại chỉ qua mấy nét chấm phá. Nhưng hãy thử đọc kĩ, và nhìn đằng sau câu thơ xem còn bao nhiêu nét nghĩa nữa.

Quả vậy, đây không chỉ là một bức tranh ngoại cảnh, nó là tranh tâm cảnh, là điệu tâm hồn. Cứ nghe cái điều ngang trái trong câu thơ là rõ. Lẽ thường gió thổi mây bay, ở đây gió mây đôi ngả, xa cách như chẳng thể chung đường. Cảnh đã được nội tâm hóa, thấm đượm sự chia li. Đến nỗi mà, cái buồn đã được gọi thành tên: "buồn thiu". Hai chữ "buồn thiu" đã gói trọn nỗi buồn đau của con người, của mối trần duyên tê tái. Thấp thoáng nơi ấy câu dân ca thuở nào:

*Ai về Giồng Dứa qua truông*

*Gió lay bông sậy bỏ buồn cho em?*

Nhưng không biết vì nỗi buồn đã choán ngập tâm hồn, hay vì nhớ mong không thể làm chủ, mà ngay hai câu thơ sau, cảnh trở nên thật hư ảo huyền hồ:

*Thuyền ai đậu bến sông trăng đó*

*Có chở trăng về kịp tối nay?*

Thuyền, trăng, bờ bãi vốn không phải lần đầu đồng hiện. Thơ xưa từng có ai viết:

*Nước biếc non xanh thành gối bãi*

*Đêm thanh nguyệt bạch khách lên lầu.*

Nhưng cái khác biệt ở đây là, thi sĩ không đứng đó mà ngắm trăng hay ngắm sông, người đang chìm dần trong cảm giác ảo hóa. Trăng xuất hiện trở lại, nhưng không phải "trăng vàng trăng ngọc", "trăng nằm sóng soãi", mà là trăng huyền hồ tan trên mặt nước. Trong cảm giác mông lung của thi nhân, sông trở thành sông trăng, thuyền trở thành thuyền trăng, bóng người cũng trở thành hình ai thấp thoáng, mờ nhòa trong trăng.

Tất cả ngập một màu trăng. Trăng ở đây mang chở nỗi niềm khắc khoải, lo âu, nuối tiếc trước nỗi đau sắp phải xa lìa thực tại.Sự phấp phỏm âu lo và những mong được níu giữ thời gian ấy hiện lên rõ nhất ở chữ "kịp" và câu hỏi đầy tội nghiệp kia.

Ta nhìn thấy ở đây một cuộc chạy đua với thời gian, thời gian đang dồn đuổi từng bước, nhưng chạy đua không phải để tận hưởng tối đa thanh sắc cuộc đời như mong muốn của Xuân Diệu, mà chỉ mong tận hưởng cái tối thiểu - đó là được sống. Được sống không thôi đã thỏa nguyện rồi. Trong câu thơ là bao nhiêu sự âu lo, cũng là bấy nhiêu niềm khao khát. Nhân văn của thi phẩm cũng là ở đó: Hãy luôn sống trọn từng ngày khi còn đang được sống.

Niềm khao khát tình đời, tình người của thi nhân cất lên rõ nhất ở khổ thơ thứ ba, khi mà thế giới đã về với thực tại, ngập chìm hoàn toàn ở cõi mơ:

*Mơ khách đường xa khách đường xa*

*Áo em trắng quá nhìn không ra*

*Ở đây sương khói mờ nhân ảnh*

*Ai biết tình ai có đậm đà?*

Chữ "mơ" đặt ở đầu, chơi vơi sau đó là tiếng gọi "khách đường xa" đầy khắc khoải, mang theo sự chơ vơ hụt hẫng, bỏ lại bao ngẩn ngơ buồn tiếc. Hình ảnh khách thể xuất hiện trở lại, ngỡ như cứ bước xa dần khỏi vòng tay Hàn, đi về một cõi xa xăm không thể chạm đến. Người con gái mang sắc áo trắng tuyệt đối, trinh nguyên vô ngần, suốt đời Hàn tôn sùng nay lại trở nên mờ nhòa, khó giữ. Tất cả như mờ ảo hơn: Ở đây sương khói mờ nhân ảnh.

Không gian mông lung, lạnh lẽo, mịt mùng trong sương khói, huyền hồ trong ảo ảnh. Nó choán trùm lên cả ý thức và tiềm thức, thắt buộc lòng người đến tê dại. Nghe câu hỏi khắc khoải cuối cùng: "Ai biết tình ai có đậm đà?", ta thảng thốt nhận ra, hóa ra bấy lâu người thi sĩ cũng chỉ mong chờ điều ấy, khao khát điều ấy, đó là tình người, tình đời.

Đời thi sĩ sống đã vốn chẳng được vui, đến cuối đời cũng chỉ mong tìm được mảnh hồn tri ngộ. Hàn Mặc Tử của chúng ta, không "kì dị" như bao người nói. Chàng có trái tim rất người, có những tình cảm rất người, mà có lẽ đến nhiều năm sau này vẫn có không ít người ghi nhận điều ấy.

Bài thơ như một khúc đoản ca về tình yêu và niềm khao khát, hướng về một mảnh vườn, cũng là hướng về một mảnh đời. Đặc sắc của thi phẩm còn được tạo nên ở những nghệ thuật mang phong cách riêng của Hàn Mặc Tử. Với những hình ảnh tượng trưng đầy hàm nghĩa, với nhưng câu hỏi tu từ trải đều trên các khổ thơ mang theo ý niệm riêng, cùng lối viết cách điệu hóa, pha lồng ảo thực, "Đây thôn Vĩ Dạ" xứng là một thi phẩm có những thi từ đẹp nhất, trong sáng nhất.

"Mai sau, những thứ tầm thường mực thước sẽ biến mất đi, và còn lại của thời kì này một chút gì đáng kể, thì đó là Hàn Mặc Tử". Lời trân trọng mà người bạn thơ Chế Lan Viên gửi cho Hàn đã nói thay về những gì Hàn để lại cho đời. Mãi mãi là như thế...